

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2024
V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Lê Hoàng Diệt.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn S; Địa chỉ: số 151, tổ 6, ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lâm Thanh T; Địa chỉ: 151, tổ 6, ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn S và bà Lâm Thanh T tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân của ông S và bà T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, ông bà tìm hiểu nhau một thời gian thì đi đến hôn nhân. Thời gian đầu ông Sáu, bà T chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2002 ông Sáu, bà T phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Svà bà T bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 8 năm 2005 bà T bỏ nhà đi, ông S và những người thân của bà T đã tìm kiếm bằng nhiều cách nhưng không liên lạc được, ông S không biết bà T đi đâu, làm gì còn sống hay đã chết nên vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, ông S làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tuyên bố bà Lâm Thanh T, sinh năm 1976, nơi cư trú cuối cùng tại số 151, tổ 6, ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích.

Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết tại Quyết định số: 03/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024, chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn S và tuyên bố bà Lâm Thanh T, sinh năm 1976, nơi cư trú cuối cùng tại số 151, tổ 6, ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích và quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Nay ông Snhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên ông Syêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông S và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Võ Văn S và bà Lâm Thanh T có 01 (một) người con chung tên Võ Hằng Ny, sinh ngày 14-01-1996, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn bà Lâm Thanh T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Văn S tại Thông báo thụ lý vụ án số: 94/TB-TLVA, ngày 01 tháng 4 năm 2024 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Lâm Thanh T, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà T đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà T đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau đó Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T nhưng bà T không gửi văn bản ghi ý kiến của bà T đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Sáu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Võ Văn S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Lâm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn ông Võ Văn S nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn S và bà Lâm Thanh T, có nơi cư trú cuối cùng tại số 151, tổ 6, ấp Mỹ Tân, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn S và bà Lâm Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống theo ông Trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tòa án có mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ triệu tập bà T tham dự nhưng bà T đều vắng mặt.

Theo lời trình bày của ông Skhai bà T bỏ nhà đi từ tháng 8 năm 2005 gia đình không liên lạc được, không biết bà T làm gì, ở đâu nên ông Slàm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tuyên bố bà Lâm Thanh T, có nơi cư trú cuối cùng tại số 151, tổ 6, ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết tại Quyết định số 03/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024, chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn S và tuyên bố bà Lâm Thanh T mất tích, có nơi cư trú cuối cùng tại số 151, tổ 6, ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, ông Svà bà Tsống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1995 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc khác, theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Nên việc ông Syêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông Svà bà Tlà vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn ông Võ Văn S tự khai có 01 (một) con chung tên Võ Hằng Ny (Nữ, sinh ngày 14-01-1996), hiện đã trưởng thành và có công việc ổn định, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông Võ Văn S tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Văn S và bà Lâm Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Võ Văn S tự khai có 01 (một) con chung là Võ Hằng Ny(Nữ, sinh ngày 14-01-1996), hiện nay cháu Võ Hằng Ny (Nữ, sinh ngày 14-01-1996) đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có công việc làm ổn định, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Văn S tự khai, không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Nguyên đơn ông Võ Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0003434, ngày 14 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn ông Võ Văn S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

